

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HSPT

Ngày: 10/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuyên; Bà Từ Thị Hải Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 10/7/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2017/HSPT ngày 31/05/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đối với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1, Nguyễn Cao C, sinh ngày 28/11/1989 tại xã K, huyện K A, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn S, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hoá: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Trường T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án: Có 03 tiền án: Bản án số 04/2008/HSST, ngày 27/3/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 07/2012/HSST, ngày 17/02/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 32/2012/HSST, ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tổng hợp hình phạt tại bản án số 07/2012/HSST, ngày 17/02/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 48 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam An Điền, ra Trại ngày 26/10/2015; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 15/10/2016 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2, Nguyễn Văn T; tên gọi khác: N; sinh ngày 26/01/1989 tại phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ; nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn T, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 11/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị H; Vợ chưa đăng ký kết hôn: Võ Thị Thuỳ L, có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Có 1 tiền án, bản án số 33/2009/HSPT, ngày 22/4/2009 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm tù về tội về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 97/2006/HSST ngày 30/11/2006 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, buộc chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 năm 06 tháng tù. Chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, ra Trại ngày 29/8/2014; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 14/10/2016, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt

3, Lê Tùng L, tên gọi khác: H, sinh ngày 06/01/1996 tại xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn T, xã TĐ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hoá: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Chiêu P và bà Trương Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 1 tiền án, bản án số 72/2013/HSST, ngày 26/9/2013 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 40 tháng tù về tội về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, ra Trại ngày 03/02/2016; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 15/10/2016 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4, Nguyễn Văn M, sinh ngày 09/3/1984 tại xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn V, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hoá: Lớp 2/12; Nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Đ; có vợ Đinh Thị Nguyên L và 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Có 1 tiền án, bản án số 16/2012/HSPT, ngày 27/02/2012 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 46 tháng 14 ngày tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 27/02/2012 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tiền sự: Không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo Hoàng Duy K, Nguyễn L, Nguyễn Ngọc G và các người bị hại là các ông, bà Phan Thị Hà T, Trần Thị G, Hà Quốc D, Trần Thanh B, Hoàng N, Lê Quang S, Phan Tuấn V, Nguyễn Lương T, Dương Tiến Đ nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng nghị nên Toà án không triệu tập tham gia phiên toà phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới và Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 20/04/2017 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 9 năm 2016, Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản; Nguyễn Văn

M, Hoàng Duy K, Nguyễn L, Nguyễn Ngọc G nhiều lần tiêu thụ tài sản do người khác trộm cắp mà có, cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Khoảng 02 giờ ngày 09/3/2016, Nguyễn Cao C đi dọc đường Quốc lộ 1A tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản, khi đi ngang qua nhà chị Phan Thị Hà T ở Thôn 2, xã L, thành phố Đ thấy có chiếc xe mô tô hiệu Honda SH mode màu vàng nâu BKS 73B1-197.52 dựng ở sân, C dùng kim còng lực mang theo cắt khóa cổng vào sân dùng văm phá khóa điện lấy trộm xe nổ máy chạy lên thị trấn K, huyện L, trên đường đi C tháo Biển số của xe vứt ở đâu không rõ. Khoảng 4h cùng ngày khi đến thị trấn K, C gọi điện gặp Hoàng Duy K là người quen cũ nói “Tau mới trộm được chiếc xe tìm ai mua bán giúp cho với”. Tuy biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng K vẫn đồng ý. K gọi điện cho Trần Công T nói “Bạn em có xe SH mode anh coi bán được thì lấy”, Tân đồng ý mua với giá 10.000.000 đồng. K chạy xe đến bãi cát sạn dưới chân cầu vượt thị trấn K dựng xe ở đó và lấy 10.000.000 đồng của T để trên bàn đưa về cho C. Số tiền bán xe C tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá số 762/KL-ĐG, ngày 19/11/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới, kết luận xe mô tô hiệu Honda SH mode màu vàng nâu BKS 73B1-197.52 trị giá 45.000.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới đã thu hồi được xe trả cho chị Phan Thị Hà T và chị T không yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ 2: Khoảng giữa tháng 3/2016, Nguyễn Cao C về sống cùng với Nguyễn Văn T ở nhà trọ tại thôn Đ, xã B, thành phố Đồng Hới. C bàn bạc với Tsẽ đi trộm cắp xe mô tô và nhờ T tìm nơi cất giữ và tiêu thụ xe. T đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 19/3/2016, C đi taxi từ phòng trọ của T đến khu vực cầu vượt Thuận Lý thuộc phường N tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Thấy trong sân nhà ông Nguyễn Xuân N tại Tổ dân phố 8, phường N có dựng nhiều xe mô tô, C dùng kim còng lực mang theo cắt phá khóa cổng vào dùng văm phá khóa 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade nhưng văm bị gãy. C tiếp tục dùng một văm khác phá khóa 01 xe mô tô hiệu Attila Elizabeth màu đỏ biển số 73B1-074.78 dắt ra ngoài nổ máy chạy về đường V ở xã B gọi điện cho T “Em mới trộm được con Attila, nhờ anh tìm nơi bán”. T nói “Đưa về phòng trọ mai đi bán”. Sáng ngày 19/3/2016, T gặp Đào Văn T nói “Có chiếc Attila Elizabeth đỏ của thằng em có mua không trưa tau đưa tới xem được thì mua”. Khoảng 11h30 cùng ngày, T cùng C đưa xe đến bán cho Đào Văn T trú tại phường M, thành phố Đ, khi đi qua cầu Nhật Lệ, C ném Biển số xe 73B1-074.78 xuống sông. T xem xe đồng ý mua với giá 5.000.000 đồng, C đưa T 2.000.000 đồng còn lại C tiêu xài cá nhân hết.

Xe lấy trộm của chị Trần Thị G ở Tổ dân phố 6, phường N, tại kết luận định giá số 762/KL-ĐG, ngày 19/11/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới, kết luận xe mô tô hiệu Attila Elizabeth màu đỏ Biển số 73B1 -074.78 trị giá 15.000.000. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới đã thu hồi được xe trả cho chị Nguyễn Thị G, chị G không yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ 3: Khoảng 02 giờ ngày 01/4/2016, Nguyễn Cao C đi taxi từ phòng trọ của T đến phường P, thành phố Đ tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản, thấy trong sân dãy nhà trọ của anh Phan Văn C tại Tổ dân phố 3 có dựng nhiều xe mô tô, C dùng kim cộng lực mang theo cắt khóa cổng, dùng vạm phá khóa lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 màu xanh trắng Biển số 73B1-183.40 dắt bộ ra ngoài cách 200m rồi quay lại dùng vạm phá khóa lấy trộm tiếp 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu trắng biển số 73L1- 7577 dắt ra ngoài. C gọi điện cho T nói “Em mới lấy trộm được 02 xe AirBlade và Exciter anh qua phụ em đẩy xe về”, khoảng 15 phút sau T đi taxi đến, T điều khiển xe Honda AirBlade đẩy xe Yamaha Exciter do C điều khiển đến nhà của Đào Văn T trú tại Tổ dân phố 1, phường M, C tháo biển số xe 73B1-183.40 rồi đưa T gửi xe Yamaha Exciter lại nhà T. Còn xe Honda AirBlade, C chạy về nhà trọ cất giấu, khi đi ngang bãi đất trống ở xã B, C tháo vớt lại biển số xe 73B1 -183.40. Sáng ngày 02/4/2016, T tháo biển số xe 73L1-7577 của xe Honda AirBlade vớt đâu không rõ rồi gọi điện cho Nguyễn L là người làm nghề sửa chữa xe mô tô đến tháo phân vỏ xe Honda AirBlade để sơn lại. T nói với L “Anh có xe Exciter 150 màu xanh trắng là xe nhảy không giấy tờ, nhờ em tìm chỗ bán”. L biết rõ xe nhảy là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý và điện cho Nguyễn Văn M là người quen ở L nói “Em có xe Exciter 150 màu xanh trắng, xe nhảy anh có mua không”. M đồng ý và đến tiệm sửa xe của L tại số 459 L, thành phố Đ gặp T hỏi nguồn gốc xe thì T nói là xe trộm cắp không có giấy tờ nếu bán được sẽ cho tiền. M gọi điện cho anh Trần Công T ở huyện L nói “Có xe Exciter 150, bác có mua không”, Trần Công T đồng ý nói “Đưa xe lên đây mua với giá 15.000.000 đồng”, M thông báo lại với T. T cùng C chạy xe Yamaha Exciter lên xã H, gặp M và Trần Công T. Tại đây, M nhận từ Trần Công T 15.000.000 đồng rồi đưa cho T, T cho M 1.000.000 đồng. Còn Trần Công T đưa xe Yamaha Exciter về cầm cố cho Nguyễn Xuân H trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn K, được 15.000.000 đồng.

Khoảng 10 giờ ngày 02/4/2016, T nói với L xe Honda AirBlade màu trắng đang phun sơn vỏ xe tại quán cũng là xe nhảy không giấy tờ tức là xe do trộm cắp mà có nhờ Nguyễn L bán. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại cho anh Trần Xuân T làm nghề sửa xe máy tại số 86 Trường C, Bắc L, Đồng Hới nói “Có xe Honda AirBlade màu trắng không giấy tờ giá 8.000.000 đ anh có mua không”, khoảng 13h30, T đến quán xem xe và giới thiệu cho người quen là Nguyễn Đăng H mua giá 8.000.000 đồng và gắn biển số 73F1-240.14 sử dụng. T cho Trần Xuân T 300.000 đồng, cho Nguyễn L 1.000.000 đồng, số tiền bán 02 xe còn lại T và C tiêu xài chung hết.

Xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu trắng biển số 73 L1 - 7577 là xe của anh Trần Thanh B, trú tại Tiểu khu 3 thị trấn Q, huyện N; Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 màu xanh trắng biển số 73B1-183.40 là xe của anh Hà Quốc D, trú tại phường P, thành phố Đ.

Tại kết luận định giá số 247, ngày 07/5/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới, kết luận xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu

trắng BKS 73L1-7577 của anh Trần Thanh B trị giá 20.000.000 đồng; Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 màu xanh trắng BKS 73B1-183.40 của anh Hà Quốc D trị giá 45.000.000 đồng.

Cơ quan Điều tra đã thu hồi được 02 xe mô tô trả lại cho các anh Trần Thanh B, Hà Quốc D, cả hai anh không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ 4: Khoảng 0h30 ngày 15/4/2016, Nguyễn Cao C rủ Nguyễn Văn T và Lê Tùng L đi trộm cắp tài sản, T và L đồng ý, C chuẩn bị sẵn kim còng lực còng T thuê 01 xe ô tô tự lái chở C và L. Khi đến phường Hải Thành, Đồng Hới, C và L xuống xe đi bộ tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Thấy trong sân nhà ông Hoàng N ở Tổ dân phố 5, phường H có nhiều xe mô tô, C bảo L đứng ngoài cảnh giới còn C trèo vào trong dùng kim cắt khóa cổng mở cửa. C dùng vạm phá khóa lấy trộm xe mô tô hiệu Honda SH 125i màu trắng biển số 73B1-099.55 dắt ra cho L giữ rồi quay vào dùng vạm phá khóa lấy trộm tiếp xe mô tô hiệu Honda SH 150i màu đen biển số 73B1-018.36 dắt ra ngoài. C điều khiển xe SH màu trắng còn L điều khiển xe SH màu đen chạy theo đường Hồ Chí Minh hướng vào Quảng Trị khi đến địa phận huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình thì hết xăng, C gọi điện cho T nói đã lấy trộm được 02 xe SH bảo đưa xăng đến và tìm nơi tiêu thụ. T chạy xe ô tô thuê từ trước đưa xăng lên cho C và L. T gọi điện cho Nguyễn Văn M ở Lệ Thủy nói “Có 02 xe SH mới trộm được nhờ liên hệ bán”, M đồng ý và gọi điện cho Dương Phúc A ở Quảng Trị nói “Có 02 xe SH anh có mua không”. A nói đưa xe vào Đông Hà, Quảng Trị mua với giá 40.000.000 đồng. T bảo C và L chạy 02 xe SH vào Đông Hà, Quảng Trị trước còn T quay về đón M tại Tổ dân phố 12, phường B, thành phố Đ rồi chạy vào sau. Trên đường đi, C tháo biển số và lấy giấy tờ 02 xe SH vớt ở đâu không rõ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T giao 02 xe SH đã trộm được cho A tại Nhà văn hóa Phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, A bỏ tiền trong túi bao bóng đen giao cho M qua cửa kính xe ô tô, T kiểm tra đủ 40.000.000 đồng, số tiền bán 02 xe, C cho L 10.000.000đ, T 10.000.000đ, M 3.000.000đ còn lại T và C tiêu xài chung. Sau khi mua 02 xe SH, A đã bán cho một người không quen biết với giá 110.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 245 ngày 06/5/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda SH 125i màu trắng BKS 73B1-099.55 trị giá 130.000.000; 01 xe mô tô hiệu Honda SH 150i màu đen BKS 73B1-018.36 trị giá 120.000.000 đồng. Tổng toàn bộ tài sản của ông Hoàng N bị C, L và T trộm cắp 250.000.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới không thu hồi được 02 xe mô tô trên. Người bị hại là ông Hoàng N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự theo như kết luận định giá.

Vụ thứ 5: Khoảng 0 giờ 30 ngày 04/5/2016, Nguyễn Cao C đi taxi từ nhà trọ của T đến xã N, thành phố Đồng Hới tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Thấy nhà anh Lê Quang S ở Thôn 8 dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter Gravita màu vàng đen biển số 93P1-367.32 để ở sân không khóa cổng, C dùng

vam phá khóa lấy trộm xe dắt ra ngoài. Do không phá được khóa điện nên C gọi điện cho T nói “Em mới trộm được 01 xe Jupiter, anh chạy ra kéo xe em về”. Khoảng 15 phút sau, T chạy xe Attila màu bạc BKS 73N3-4802 ra đẩy xe Jupiter về gửi ở nhà của anh Phạm H ở Tổ dân phố 2, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới. Ngày hôm sau T đến lấy xe, tháo vỏ xe đầu điện và vứt BKS 93P1-367.32 ở đâu không rõ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T gọi điện cho Nguyễn Ngọc G là người quen trú tại thôn T, xã Q, thành phố Đồng Hới nói “Có xe Jupiter thằng em lấy được không có giấy tờ xem mua được không” (tức là xe do trộm cắp mà có), G đồng ý bảo T đưa xe đến nhà. Sau khi xem xe, biết rõ là xe mô tô do trộm cắp mà có nhưng vì ham rẻ nên mua với giá 4.000.000 đồng sử dụng làm phương tiện đi lại. Số tiền bán xe C và T sử dụng chung hết. Tháng 7/2016, G sử dụng xe bị tai nạn giao thông hư hỏng nặng nên tháo xe bán phụ tùng xóa số khung, số máy.

Tại kết luận định giá số 762/KL-ĐG, ngày 19/11/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới, kết luận xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter Gravita màu vàng đen BKS 93 P1-367.32 trị giá 20.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi được xe trả lại cho anh Lê Quang S và anh S không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ 6: Khoảng 04 giờ ngày 01/7/2016 sau khi sử dụng ma túy, Nguyễn Cao C đi bộ lang thang trên địa bàn xã N, thành phố Đ tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Thấy trong sân nhà anh Phan Tuấn V trú tại thôn Đức Giang dựng 01 xe mô tô hiệu Suzuki RGV màu đỏ trắng BKS 29F8- 4394, C đột nhập vào trong sân dùng vam phá khóa lấy trộm xe dắt ra ngoài nhưng không nổ máy xe được nên gọi điện thoại cho T nói “Em mới trộm xe Su xì po đạp không nổ, anh lên xem đưa xe về”. Khoảng 20 phút sau, T chạy xe Attila màu bạc BKS 73N3-4802 đến đạp nổ xe Suzuki RGV trộm được đưa về phòng trọ cất giấu, C chạy xe Attila theo sau, C tháo BKS của xe Suzuki RGV vứt ở đâu không rõ. Sau đó T đem xe Suzuki RGV đến quán sửa xe của anh Lại Văn Q tại thôn T, xã B, thành phố Đồng Hới thuê sơn lại màu đen và xin Nguyễn Ngọc G một bộ số khung, số máy cùng giấy tờ, BKS của xe Suzuki Best 73K4-5617 lắp vào xe Suzuki RGV sử dụng. Ngày 21/9/2016 T cùng Nguyễn Xuân T đưa xe Suzuki RGV gắn BKS 73K4-5617 cùng giấy tờ xe và 01 máy tính xách tay hiệu Levovo đến cầm cố tại anh Trần Khánh L trú tại Tổ dân phố 8, phường N, Đồng Hới vay 25.000.000 đồng. Số tiền cầm cố, T cho C 10.000.000 đồng, T 2.000.000 đồng số còn lại T sử dụng hết.

Tại kết luận định giá số 762/KL-ĐG, ngày 19/11/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới, kết luận xe mô tô hiệu Suzuki RGV màu đỏ trắng BKS 29F8-4394 trị giá 40.000.000 đồng. Hiện cơ quan điều tra đã thu hồi được xe mô tô Suzuki RGV và đang tạm giữ để giải quyết theo vụ án.

Vụ thứ 7: Khoảng 0 giờ ngày 06/7/2016, Nguyễn Cao C đi taxi từ phòng trọ của T đến phường Nam Lý, Đồng Hới tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản.

Thấy trong sân nhà anh Nguyễn Lương T trú tại Tổ dân phố 12, dựng 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đen BKS 73V2-5696, C nhảy vào trong sân dùng kìm cộng lực cắt khóa cổng, dùng vạm phá khóa xe dắt ra ngoài chạy về phòng trọ của T cất giấu chờ tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 15 giờ cùng ngày, C tháo BKS xe mô tô hiệu Honda AirBlade mới trộm được vứt ở đâu không rõ rồi gọi điện cho Hoàng Duy K nói “Có chiếc Honda AirBlade màu đen coi ai mua được thì bán cho tau với”. K biết rõ là xe do C mới trộm cắp mà có, K nói “Tau còn bốn triệu rưỡi đây mi bán cho tau sử dụng”. C đồng ý chạy xe Honda AirBlade mới trộm được lên nhà K tại Thôn X, xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy. K đưa cho C 4.500.000 đồng, C cho lại K 200.000 đồng, số tiền còn lại T và C sử dụng chung hết. Sau khi mua xe, K xin Nguyễn Văn V ở cùng thôn 01 BKS 73N9-9768 gắn vào xe sử dụng. Ngày 10/9/2016, K giao xe cho anh Trần Công T ở Lệ Thủy để gán nợ 7.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá số 762/KL-ĐG, ngày 19/11/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới, kết luận Honda AirBlade màu đen BKS 73V2-5696 trị giá 25.000,000 đồng. Hiện cơ quan điều tra đã thu giữ được xe trả lại cho anh Nguyễn Lương T và anh T không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ 8: Khoảng 0 giờ 30 ngày 21/9/2016, Nguyễn Cao C nói với T “Chờ em tới đầu ni để trộm xe”. T dùng xe ô tô thuê tự lái chờ C đến thôn H, xã B, thành phố Đồng Hới, C xuống đi bộ còn T chạy xe về. Thấy trên hành lang nhà ông Hoàng Ngọc S dựng 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu trắng bạc đen BKS 73V1- 5714, C dùng vạm phá khóa lấy trộm xe dắt ra ngoài nổ máy chạy lên đến địa phận xã Võ Ninh, Quảng Ninh thì hết xăng. C gọi điện cho T nói “Em mới lấy trộm xe Honda AirBlade bị hết xăng ở đường tránh Quốc lộ 1A anh mua xăng đưa lên”. Khoảng 30 phút sau, T đi xe ô tô lên đưa xăng cho C và bảo C chạy xe lên Lệ Thủy trước, T quay lại Đồng Hới đón Nguyễn Xuân T. Trong thời gian T về Đồng Hới đón Nguyễn Xuân T thì C tiếp tục vào một nhà dân ở Thôn T, xã Võ Ninh, Quảng Ninh lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đồng BKS 7301-005.38 dắt ra ngoài cất giấu. Khi T cùng Nguyễn Xuân T đến, C bảo T nhờ Nguyễn Xuân T đưa xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu trắng bạc đen BKS 73V1-5714 lên Lệ Thủy tiêu thụ còn T chạy theo sau. C chạy xe Honda AirBlade màu đồng BKS 73G1 - 005.38 theo đường tránh Quốc lộ 1A lên hướng Lệ Thủy được khoảng 1km thì bị tai nạn nên bỏ xe lại gọi T quay lại đón lên Lệ Thủy. Nguyễn Xuân T liên hệ bán xe Honda AirBlade màu trắng bạc đen BKS 73V1-5714 cho một người tên V không rõ địa chỉ được 6.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không truy tìm được xe. Số tiền bán xe được, C cho Nguyễn Xuân T 1.000.000 đồng còn lại T và C sử dụng chung hết. Hiện Nguyễn Xuân T không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được hành vi của Nguyễn Xuân T, lúc nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Kết luận định giá số 762/KL-ĐG ngày 18/11/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Hới kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu trắng bạc đen BKS 73V1-5714 của anh anh Dương Tiến Đ,

trú tại Tổ dân phố 5, phường Đ, bị C, T, Nguyễn Xuân T trộm cắp có giá trị 20.000.000 đồng. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới không thu hồi được xe mô tô trên. Anh Dương Tiến Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự theo như kết luận định giá.

Quá trình điều tra, Nguyễn Cao C còn khai nhận thực hiện một số vụ trộm cắp xe mô tô tại các huyện Q, B, T thuộc tỉnh Quảng Bình. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới đã có Công văn và chuyển giao một số vật chứng có liên quan cho Cơ quan CSĐT Công an các huyện Q, B, T để điều tra theo thẩm quyền.

Ngoài ra, Hoàng Duy K khai vào một ngày giữa tháng 5/2016, Nguyễn Cao C nhờ K bán cho anh Trần Công T ở Lê Thủy 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đỏ bạc số máy JF27E-0227289, số khung RLHJF1806AY187258 gắn BKS 73N7-4745 được 6.000.000 đồng nhưng C không thừa nhận. Hiện chưa xác định được bị hại. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Hới đang tạm giữ chiếc xe mô tô nói trên lúc nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Cáo trạng số 17/THQCT-KSĐT ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T và Lê Tùng L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự; truy tố Hoàng Duy K, Nguyễn L và Nguyễn Ngọc G về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 20/04/2017 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định tuyên bố các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T và Lê Tùng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Nguyễn Văn M, Hoàng Duy K, Nguyễn Ngọc G, Nguyễn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; các Điều 20, 33; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L; áp dụng thêm đoạn 1, 3 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T; điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Cao C; đoạn 3 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Tùng L; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 09 năm, 6 tháng tù (chín năm sáu tháng), thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/10/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 năm (tám năm) tù. Thời hạn tù tính, từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 14/10/2016.

Xử phạt bị cáo Lê Tùng L 07 năm 6 tháng tù (bảy năm sáu tháng). Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/10/2016.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; các Điều 20, 33, đoạn 1, 2 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 năm tù (ba năm). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 31, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Hoàng Duy K, Nguyễn L; áp dụng thêm đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Duy K, Nguyễn L; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Duy K.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G 18 tháng (mười tám tháng) cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Hoàng Duy K 20 tháng (hai mươi tháng) cải tạo không giam giữ;

Xử phạt bị cáo Nguyễn L 20 tháng (hai mươi tháng) cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt đối với các bị cáo tính từ ngày chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án;

Giao các bị cáo Nguyễn Ngọc G, Hoàng Duy K, Nguyễn L cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Án sơ thẩm còn tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Hoàng N số tiền 250.000.000đ; buộc các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Dương Tiến Đ 10.000.000đ. Tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L phải chịu lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử lý vật chứng vụ án; tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M, Hoàng Duy K, Nguyễn Ngọc G, Nguyễn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 24/4/2017, bị cáo Nguyễn Cao C; ngày 25/4/2017, bị cáo Lê Tùng L; ngày 03/5/2017, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 02/5/2017, bị cáo Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được hưởng án treo.

Ngày 04/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới có kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS kháng nghị phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, yêu cầu xét xử phúc thẩm tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T và Lê Tùng L khai nhận hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Nguyễn Văn M khai nhận hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của án sơ thẩm.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đề xử tăng án đối với bị cáo Nguyễn Cao C từ 9 đến 12 tháng tù; tăng án đối với bị cáo Nguyễn Văn T từ 6 đến 9 tháng tù.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T theo tình tiết mới ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đã nộp bồi thường cho bị hại ông Hoàng N số tiền 30.000.000đ; có nộp bồi thường cho bị hại Dương Tiến Đ 5.000.000đ, được các bị hại này có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt; chấp nhận tình tiết giảm nhẹ bị cáo có bố là người có công chưa được án sơ thẩm xem xét để cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Nghị quyết của Quốc hội và Hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015, giảm án cho bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù năm tù; bù trừ tăng án theo kháng nghị, giảm án theo tình tiết giảm nhẹ mới để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 8 năm tù;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tùng L theo các tình tiết mới ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đó là sau khi xét sơ thẩm bị cáo đã có ý kiến đề gia đình bồi thường 20.000.000đ cho bị hại ông Hoàng N, được ông Hoàng N có đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố và chị ruột là người có công nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Nghị quyết của Quốc hội và Hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm án cho bị cáo từ 07 đến 12 tháng tù;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M theo hoàn cảnh bị cáo có bố, mẹ là người đã tham gia Thanh niên xung phong trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo để giảm án cho bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Nghê ý kiến trình bày rút kháng cáo và đề nghị không chấp nhận kháng nghị của bị cáo Nguyễn Cao C; nghe ý kiến xin được giảm án của các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ vụ án. Sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên; Nghe ý kiến trình bày của các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị.

1, Về tội danh: Theo lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L có đủ yếu tố cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự; hành vi

phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn M và các bị cáo Hoàng Duy K, Nguyễn Ngọc G, Nguyễn L có đủ yếu tố cấu thành của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự. Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 20/4/2017 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định tuyên bố các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Hoàng Duy K, Nguyễn Ngọc G, Nguyễn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

2, Về hình phạt:

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T; xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm tù, theo giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Cao C thực hiện 8 lần trộm cắp 10 xe mô tô được định giá 480 triệu đồng, bị cáo Nguyễn Văn T tham gia 7 lần trộm cắp 9 xe mô tô được định giá 435 triệu đồng. Các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T phạm tội chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ “thật thà khai báo” được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, có các tình tiết tăng nặng là “Phạm tội nhiều lần, tái phạm nguy hiểm”, “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” được quy định tại các điểm b, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Theo tính chất mức độ vụ án, giá trị tài sản của các bị hại đã bị các bị cáo chiếm đoạt, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm “Trộm cắp tài sản” trong giai đoạn hiện nay, án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C mức án 9 năm 6 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 8 năm tù đúng là đã xử nhẹ đối với các bị cáo này. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới yêu cầu xử phúc thẩm tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T là có căn cứ nên phải chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Văn T bị chấp nhận kháng nghị của của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đề xử tăng án nhưng do bị cáo có thêm tình tiết mới ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đó là bị cáo đã có ý kiến đề gia đình nộp bồi thường cho bị hại ông Hoàng N số tiền 30.000.000đ theo giấy nhận ngày 03/7/2017; nộp bồi thường cho bị hại Dương Tiến Đ 5.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 06/7/2017, được các bị hại này có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hồ sơ vụ án thể hiện bố bị cáo là ông Nguyễn C (Nguyễn Văn C) được Nhà nước tặng thưởng 01 Huy chương Kháng chiến Hạng Nhì; 01 Huân chương Quyết thắng Hạng Ba nhưng chưa được án sơ thẩm xem xét nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Toà án NDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số

100/2015/QH13; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn T bị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát để tăng án 9 tháng tù nhưng do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới được chấp nhận để giảm án 12 tháng tù, bù trừ bị cáo được giảm án 3 tháng tù nên phải sửa án sơ thẩm giảm án cho bị cáo.

Bị cáo Lê Tùng L tham gia 1 lần trộm cắp 2 xe mô tô được định giá 250 triệu đồng, phạm tội thuộc trường hợp có tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, có 1 tình tiết giảm nhẹ “thật thà khai báo” theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Theo giá trị tài sản mà bị cáo Lê Tùng L đã tham gia trộm cắp, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo ở giai đoạn sơ thẩm, án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 7 năm 6 tháng tù là thoả đáng. Sau khi xét sơ thẩm bị cáo Lê Tùng L đã có ý kiến đề gia đình bồi thường 20.000.000đ cho bị hại ông Hoàng N theo giấy nhận tiền ngày 27/5/2017, được ông Hoàng N có đơn đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có cung cấp bản sao ba Huy chương Chiến sỹ vẻ vang các hạng Nhất, Nhì, Ba của bố bị cáo là ông Lê Chiêu Ph, 01 Huy chương chiến sỹ vẻ vang Hạng Nhất của chị ruột bị cáo là bà Lê Thị Minh Tr nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Toà án NDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo Lê Tùng L có được ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo để áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm án cho bị cáo 1 năm tù, xử phạt bị cáo mức án dưới khởi điểm của khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội trong khi đang có tiền án, thuộc trường hợp có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Bị cáo phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được án sơ thẩm căn cứ theo tang số giá trị tài sản, vật phạm pháp theo quy định của điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức án từ 02 năm đến 07 năm tù để xử phạt bị cáo mức án 3 năm tù. Xét hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo với vai trò là người chỉ nơi tiêu thụ và được các bị cáo phạm tội trộm cắp trả tiền công từ tiền bán tài sản trộm cắp mà có, sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo đã tự giác nộp lại 4.000.000đ thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo có bố và mẹ là người đã tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mẹ bị cáo hiện đang bị bệnh hiểm nghèo, vợ không có việc làm, được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư

trú đề nghị xem xét giảm nhẹ, theo đó đề chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm giảm án cho bị cáo.

Số tiền các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng L đã bồi thường cho các bị hại Hoàng N, Dương Tiến Đ sau khi xử sơ thẩm được tính giảm trừ cho các bị cáo theo số tiền các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại này theo quyết định của án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án; tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Cao C rút kháng cáo; các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1; khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M để sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M.

1, Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T; điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng L; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án NDTC Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng L; Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Tùng L.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C **10 năm 6 tháng tù** (mười năm sáu tháng) về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 15/10/2016 sau đó chuyển tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **07 năm 9 tháng tù** (bảy năm chín tháng) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 14/10/2016 sau đó chuyển tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Lê Tùng L **06 năm 06 tháng tù** (sáu năm sáu tháng) về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 15/10/2016 sau đó chuyển tạm giam.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250, điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn M. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M **24 tháng tù** (hai bốn tháng) về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào các Điều 79, 80, 88 và Điều 243 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tạm giam các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L để bảo đảm thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (10/7/2017).

2, Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L liên đới bồi thường tiếp cho bị hại ông Hoàng N số tiền 200.000.000đ. Theo phần: bị cáo Nguyễn Cao C phải bồi thường 83.333.333đ; bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường tiếp 53.333.333đ; bị cáo Lê Tùng L phải bồi thường tiếp 63.333.333đ.

Bị cáo Nguyễn Cao C phải bồi thường cho bị hại Dương Tiến Đ 10.000.000đ;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường tiếp cho bị hại Dương Tiến Đ 5.000.000đ.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

3, Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu Án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Lê Tùng L, Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (10/7/2017).

Nơi nhận:

- Theo Điều 254 Bộ luật TTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VP TAQB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Xuân Việt

